

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **132/2020/DS-ST**

Ngày 09 – 9 – 2020

V/v tranh chấp HĐ vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

2. Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2020/TLST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 578/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Đ.

Địa chỉ: Số 41 và 45, L Duân, phường BN, quận 1, HCMinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tống Minh Đ, sinh năm: 1984 – Chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng và bà Trương Thị LA, sinh năm: 1989 - Chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng theo giấy ủy quyền ngày 06/4/2020 của Giám đốc chi nhánh Bạc Liêu, Địa chỉ cư trú: Số 137K, NTT, khóm 1, phường 8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (Bà LA có mặt, ông Đ vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần T, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 64, ấp 1, xã TV, thành phố CM.

Bà Trương U, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã TV, thành phố CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Trương Thị LA là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần T, bà Trương U là vợ chồng. Vào ngày 30/8/2010, ông bà và Ngân hàng Đ – phòng giao dịch Bạc Liêu (gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng số 103.10.073 để vay số tiền 210.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe khách hiệu Suzuki; phương thức vay từng lần, trả nợ gốc và lãi hàng tháng; lãi suất vay 1,4%/tháng, cố định trong 03 tháng đầu, các tháng sau áp dụng theo phương hướng tiền gửi tiết kiệm 13 tháng (cá nhân lãnh lãi cuối kỳ) +0,45%/tháng, nhưng không thấp hơn 1,4%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 30/8/2010 đến ngày 30/8/2013. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần T, bà Trương U đã thanh toán được 133.400.000 đồng tiền nợ gốc, 57.978.239 đồng tiền nợ lãi. Còn lại tiền nợ gốc: 76.600.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 7.891.108 đồng, Nợ lãi quá hạn: 162.952.577 đồng. Tổng cộng là: 247.443.685 đồng. Ngày bắt đầu quá hạn: 31/08/2013.

Ngày 12/10/2010 Ngân hàng Đ và ông Trần T, bà Trương U tiếp tục thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 102.10.127 để vay số tiền vay là: 210.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe khách hiệu Suzuki; Phương thức vay: từng lần; Trả nợ gốc và lãi hàng tháng; Lãi suất vay: 1,4%/tháng, cố định trong 03 tháng đầu, các tháng tiếp theo áp dụng lãi suất theo phương hướng tiền gửi tiết kiệm 13 tháng (cá nhân lãnh lãi cuối kỳ) + 0,45%/tháng, nhưng không thấp hơn 1,4%/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 12/10/2010 đến ngày 12/10/2013. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần T, bà Trương U đã thanh toán được 177.805.497 đồng tiền nợ gốc, 88.200.000 đồng tiền nợ lãi, Nợ lãi trong hạn: 10.773.983 đồng, Nợ lãi quá hạn: 196.751.114 đồng. Ngày bắt đầu quá hạn: 12/08/2012.

Quá trình vay ông T, bà U có ký hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn số: 102.10.073 ngày 30/8/2010 và hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn số: 102.10.127 ngày 12/10/2010, tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô con hiệu SUZUKI, màu Bạc, biển số 69H-4205 theo giấy chứng nhận đăng ký số 0006091 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 27/8/2010 có số khung N71V6V100169, số máy G16AID113604 do ông Trần T và bà Trương U đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 xe ô tô con hiệu SUZUKI, màu Bạc, biển số 69H-4155 theo giấy chứng nhận đăng ký số 0006397 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/10/2010 có số khung N71V6V100012, số máy 16AID-106914 do ông Trần T và bà Trương U đứng tên giấy chứng nhận đăng ký

Nay Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Trần T, bà Trương U thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2020 là 543.168.782 đồng (*Năm trăm bốn mươi ba triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng*) trong đó, tổng tiền nợ vốn 164.800.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn 18.665.091 đồng, lãi quá hạn 359.703.691 đồng. Đồng thời, Ngân hàng Đ yêu cầu ông T cùng bà U tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ. Ngân hàng Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn nêu trên, khi nào có phát sinh tranh chấp ngân hàng Đ sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Đối với ông Trần T và bà Trương U, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết hợp lệ quyết định phân công thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhiều lần nhưng ông T, bà U vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đồng thời, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng Đ thuộc lĩnh vực tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; ông Trần T và bà Trương U là bị đơn, có nơi cư trú tại ấp 1, ấp 2, xã TV, thành phố CM, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông T, bà U mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ quyết định phân công thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhiều lần theo quy định nhưng vẫn ông T, bà U vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà U theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung của vụ án: Xét nội dung tranh chấp thấy rằng, hợp đồng tín dụng số 102.10.073 ngày 30/8/2010 và hợp đồng tín dụng số 102.10.127 ngày 12/10/2010 giữa ông Trần T và bà Trương U với Ngân hàng Đ được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà U không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong các hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà U thanh toán nợ là có cơ sở.

Mặc dù, ông T, bà U đã được niêm yết triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, ông T, bà U cũng không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Đ tại phiên tòa thể hiện việc ông T, bà U có nợ Ngân hàng Đ đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh và hiện còn nợ Ngân hàng Đ các khoản với số tiền là 543.168.782 đồng (*Năm trăm bốn mươi ba triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng*). Do đó, ông T, bà U phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ trên cho Ngân hàng cùng lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Đối với ký hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn số: 102.10.073 ngày 30/8/2010 và hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn số: 102.10.127 ngày 12/10/2010, tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô con hiệu SUZUKI, màu Bạc, biển số 69H-4205 theo giấy chứng nhận đăng ký số 0006091 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 27/8/2010 có số khung N71V6V100169, số máy G16AID113604 do ông

Trần T và bà Trương U đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 xe ô tô con hiệu SUZUKI, màu Bạc, biển số 69H-4155 theo giấy chứng nhận đăng ký số 0006397 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/10/2010 có số khung N71V6V100012, số máy 16AID-106914 do ông Trần T và bà Trương U đứng tên giấy chứng nhận đăng ký. Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm ông T và bà U phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định, Ngân hàng Đ không phải nộp án phí. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào các Điều 143, 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Đ.

Buộc ông Trần T và bà Trương U thanh toán cho Ngân hàng Đ các khoản tính đến ngày 09/9/2020 với tổng số tiền là **543.168.782 đồng** (*Năm trăm bốn mươi ba triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng*). Trong đó, tổng tiền nợ vốn 164.800.000đồng, tổng nợ lãi trong hạn 18.665.091 đồng, lãi quá hạn 359.703.691 đồng.

Buộc ông Trần T và bà Trương U tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 10/9/2020 theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng tín dụng số 103.10.073 ngày 30/8/2010 và hợp đồng tín dụng số 102.10.127 ngày 12/10/2010 đến khi thanh toán xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần T và bà Trương U phải chịu số tiền 25.726.000đ (Hai mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng, chưa nộp).

Ngân hàng Đ không phải chịu. Ngày 11/5/2020, Ngân hàng Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 12.455.000đ (Mười hai triệu, bốn trăm năm mươi năm nghìn đồng) theo biên lai số 0001779 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Ngân hàng Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T, bà U vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND thành phố Cà Mau
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn
- Lưu TM (TANDTPCM)

Lê Thúy Dung